ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
Kế hoạch Tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025
(Kèm theo Tờ trình số 504 /TTr-UBND ngày /12/2021 của UBND tỉnh)

Trên cơ sở quy định của Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN); các Nghị định: số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017, số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm, Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2020, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020-2022; Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 249/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Hà Tĩnh. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Kế hoạch Tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện dự toán NSNN giai đoạn 2016-2020

1. Thu NSNN giai đoạn 2016-2020:

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2020: 54.777 tỷ đồng; trong đó một số khoản thu như sau:

- Thu nội địa: 33.421 tỷ đồng; thu nội địa trong giai đoạn 2016-2020 tăng dần qua các năm, từ 5.419 tỷ đồng (năm 2016) lên 7.988 tỷ đồng (năm 2020);

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 21.252 tỷ đồng. Khoản thu này tăng dần qua các năm và phát sinh chủ yếu từ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh,...

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020: 103.334 tỷ đồng; trong đó một số khoản thu như sau:

- Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp 31.248 tỷ đồng;

- Thu bổ sung từ NSTW: 46.285 tỷ đồng;

- Thu bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 291 tỷ đồng;

- Thu chuyển nguồn 24.955 tỷ đồng;

- Thu kết dư ngân sách 555 tỷ đồng.

2. Chi NSNN giai đoạn 2016-2020:

2.1. Thực hiện chi ngân sách địa phương:

a) Chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 thực hiện 101.932 tỷ đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 26.555 tỷ đồng;

- Chi thường xuyên: 47.132 tỷ đồng;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 6,7 tỷ đồng;

- Chi trả nợ lãi: 3,042 tỷ đồng;

- Chi chuyển nguồn 27.996 tỷ đồng.

3. Vay, trả nợ NSĐP giai đoạn 2016-2020

Trong giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã xây dựng kế hoạch trả nợ vay hàng năm đúng hạn, đảm bảo số dư nợ vay của ngân sách tỉnh nằm trong hạn mức vay nợ theo đúng quy định của Luật NSNN và Luật Quản lý nợ công, cụ thể:

- Dư nợ đầu giai đoạn 903 tỷ đồng;

- Số phát sinh vay mới 202 tỷ đồng;

- Số đã trả nợ gốc 571 tỷ đồng;

- Dư nợ cuối giai đoạn 534 tỷ đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

4. Đánh giá chung về thu, thi NSNN giai đoạn 2016-2020:

- Đầu giai đoạn (năm 2016) với ảnh hưởng của sự cố môi trường biển và đến cuối giai đoạn (năm 2020) lại chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19; bên cạnh đó, tỉnh ta còn chịu ảnh hưởng của lũ lụt, cháy rừng và dịch bệnh trong sản xuất nên đã tác động trực tiếp đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và việc vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền địa phương, đã kịp thời thực hiện các giải pháp để khắc phục sự cố môi trường biển, vừa phòng chống dịch Covid-19 vừa tập trung phát triển kinh tế - xã hội; trong đó nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 đã đi vào ổn định, tăng trưởng bền vững; cụ thể:

+ Chỉ đạo, giám sát kê khai thuế, công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên địa bàn; thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác vào ngân sách nhà nước; thường xuyên theo dõi chặt chẽ, kịp thời và tổ chức thu triệt để đối với các nguồn thu mới; thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính về thuế, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người nộp thuế.

+ Trong từng năm, trên cơ sở chỉ tiêu thu của HĐND tỉnh giao, hàng quý chỉ đạo, triển khai các giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước đảm bảo tiến

độ, tổng mức, cơ cấu thu; đồng thời, đã thực hiện việc giao chỉ tiêu thu hàng tháng để có cơ sở điều hành chi ngân sách theo dự toán giao đầu năm.

+ Tăng cường làm việc với các Bộ, ngành Trung ương nhằm huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp, góp phần tăng thu ngân sách; kịp thời bổ sung nguồn lực cho địa phương để bố trí thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, an sinh xã hội.

- Chi ngân sách giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm các nhiệm vụ chi thường xuyên, thực hiện chính sách an sinh xã hội và đầu tư phát triển, hoạt động của hệ thống chính trị. Nhìn chung, trong điều kiện ngân sách còn hạn hẹp, tỉnh phải cân đối ngân sách để phân bổ hợp lý, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi hàng năm.

- Công tác điều hành ngân sách được quán triệt thực hiện nghiêm theo chỉ đạo Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính. Việc quản lý chi ngân sách nhà nước được thực hiện đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; chủ động điều hành ngân sách phù hợp với tiến độ thu ngân sách; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước; ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, đảng đoàn thể, chi an ninh quốc phòng, an sinh xã hội; tập trung dành nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần tăng bổ sung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các nhiệm vụ cấp bách khác.

- Công tác hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra quản lý tài chính ngân sách trên địa bàn gắn với việc thực hiện chống tham nhũng lãng phí được thực hiện đảm bảo theo quy định; đồng thời đã ngăn ngừa, phát hiện và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời các vấn đề còn sai phạm, vướng mắc, góp phần đưa công tác quản lý tài chính ngân sách ngày càng công khai, minh bạch, hiệu quả cao.

II. Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025

1. Căn cứ, mục tiêu xây dựng kế hoạch

a) Căn cứ xác định:

- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2020-2025;

- Nghị quyết số 249/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Hà Tĩnh;

- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06/11/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN giai đoạn 2016-2020;

- Tình hình kinh tế trong nước và thế giới do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19;

- Dự kiến triển khai các dự án Vay lại nguồn Chính phủ vay nước ngoài trong thời gian tới;

- Dự kiến nguyên tắc, tiêu chí phân bổ định mức chi thường xuyên ngân sách giai đoạn 2022-2025.

b) Mục tiêu:

- Phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ thu - chi, cân đối ngân sách và trả nợ vay của giai đoạn 2021-2025, đồng thời phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Phấn đấu thực hiện cao nhất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và thu chi ngân sách năm 2021-2025; Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng;

- Từng bước cơ cấu lại NSNN theo hướng bảo đảm an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; tăng cường huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng; siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập quốc tế, giải quyết tốt nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Dự báo một số chỉ kinh tế - xã hội chủ yếu của địa phương giai đoạn 2021-2025

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trên 10%; đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người trên 70 triệu đồng/năm; GRDP bình quân đầu người trên 110 triệu đồng/năm; Kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD; Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 khoảng 220.000 tỷ đồng. Mỗi năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả; Tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích bình quân trên 130 triệu/ha. Tỷ lệ đô thị hóa trên 40%;

- Về văn hóa - xã hội: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm trên 1,5%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 80%. Giải quyết việc làm mới cho trên 20.000 người/năm; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên 95%. Có 11,5 bác sỹ/1 vạn dân; trên 28 giường bệnh/1 vạn dân; Tốc độ đổi mới công nghệ trên 20%/năm. Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4. Trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được tiếp nhận và thụ lý; Tỷ lệ gia đình văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa đạt trên 92%; cơ quan, đơn vị đạt chuẩn

văn hóa 69%; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới 70%; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị 60%;

- Về môi trường: Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 98%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó nước đạt tiêu chuẩn đạt trên 72%; tỷ lệ che phủ rừng trên 52%. Tỷ lệ chất thải rắn được phân loại, thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn 80% trở lên;

- Về quốc phòng - an ninh: 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện.

3. Kế hoạch thu NSNN 05 năm giai đoạn 2021-2025

3.1. Trên cơ sở kết quả thu, chi NSNN giai đoạn 2016-2020, tình hình thực tế và dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, UBND tỉnh dự kiến số thu NSNN giai đoạn 2021-2025 như sau:

a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025: 82.579 tỷ đồng; trong đó một số khoản thu như sau:

- Thu nội địa: 39.935 tỷ đồng, chiếm 48,36% tổng thu NSNN;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 42.644 tỷ đồng, chiếm 49,8% tổng thu NSNN.

b) Tổng thu ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 104.722 tỷ đồng; bao gồm:

- Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp 37.888 tỷ đồng, chiếm 36,18% tổng thu NSĐP;

- Thu bổ sung từ NSTW: 64.434 tỷ đồng, chiếm 61,53% tổng thu NSĐP;

- Thu chuyển nguồn 2.400 tỷ đồng, chiếm 2,29% tổng thu NSĐP.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

3.2. Dự báo về thu NSNN giai đoạn 2021-2025

Nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đã có bước tiến triển tích cực. Tuy nhiên, chưa thật sự bền vững, dễ chịu tác động bởi các yếu tố:

- Mặc dù, dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát; tuy nhiên, nguy cơ bùng phát dịch bệnh Covid-19 vẫn còn rất cao. Sự xuất hiện biến chủng mới của dịch bệnh Covid-19 với diễn biến phức tạp, khó lường, tác động nghiêm trọng tới nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh, nhất là các địa phương có đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân.

- Việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh để kích thích, tạo đà phục hồi và phát triển nền kinh tế của tỉnh bước đầu đã đạt những kết quả khả quan; song vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, như: áp lực lạm phát,

thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất, sự bất ổn của thị trường bất động sản, biến đổi khí hậu,…

4. Kế hoạch chi ngân sách địa phương

Căn cứ kế hoạch thu ngân sách, tốc độ tăng thu và kế hoạch chi trả nợ vay hàng nằm và chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh để bố trí chi ngân sách địa phương giai đoạn năm 2021-2025, dự kiến theo hướng như sau:

- Bố trí chi đầu tư phát triển (bao gồm cả chi bồi thường GPMB) đảm bảo các nguyên tắc cân đối ngân sách, các quy định hiện hành về quản lý ngân sách cho chi đầu tư phát triển; bổ sung Quỹ phát triển đất thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm gắn với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 (bao gồm các chương trình, dự án giai đoạn 2016-2021 chuyển tiếp thực hiện giai đoạn 2021-2025), các đề án, chính sách của tỉnh...;

- Bố tri chi trả nợ vay, lãi vay đầy đủ, đúng hạn;

- Cơ cấu lại chi thường xuyên, triệt để tiết kiệm, rà soát các lĩnh vực, nhiệm vụ chi để bố trí có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên bố trí chi thực hiện cải cách tiền lương, các nhiệm vụ quan trọng như: phòng chống dịch bệnh Covid-19; quốc phòng - an ninh và các chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ cấp bách. Tiếp tục thực hiện triển khai cơ chế hoạt động tự chủ của đơn vị sự nghiệp công gắn với lộ trình thực hiện tính giá dịch vụ sự nghiệp công;

Trên cơ sở đó, dự kiến tổng chi NSĐP giai đoạn năm 2021-2025 dự kiến khoảng 103.414 tỷ đồng; trong đó một số khoản chi như sau:

- Chi đầu tư phát triển 30.148 tỷ đồng, chiếm 29,15% tổng chi NSĐP;

- Chi thường xuyên 70.838 tỷ đồng, chiếm 68,5% tổng chi NSĐP;

- Chi trả nợ lãi vay 121,7 tỷ đồng, chiếm 0,12% tổng chi NSĐP;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 6,7 tỷ đồng.

5. Kế hoạch vay và trả nợ giai đoạn 2021-2025

- Dư nợ đầu kỳ 534 tỷ đồng;

- Số phát sinh vay mới 1.229 tỷ đồng;

- Số trả nợ gốc 351 tỷ đồng;

- Dư nợ cuối giai đoạn 1.412 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

III. Giải pháp thực hiện Kế hoạch tài chính giai đoạn 2021-2025

Để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kế hoạch tài chính giai đoạn 2021-2025, cần đề ra các giải pháp thúc đẩy hoạt động đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, kích thích tốc độ tăng trưởng kinh tế; đồng thời, phấn đấu sớm hoàn

thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; trong đó có một số giải pháp chủ yếu như sau:

1. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng của nền kinh tế. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, trên cơ sở khoa học - công nghệ, ứng dụng thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phát triển kinh tế số, "kinh tế xanh", các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ sau thép, dịch vụ cảng biển và logistics. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất sạch, công nghệ cao, hàng hóa lớn trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của từng vùng; đa dạng các ngành dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng. Tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước, cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước…

2. Triển khai đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển đô thị và giảm nghèo bền vững. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, xây dựng phát triển đô thị, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ. Triển khai đồng bộ và thực hiện tốt các chế độ, chính sách xã hội, tập trung cho mục tiêu giảm nghèo bền vững; quan tâm, chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công và đối tượng yếu thế trong xã hội.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu mới của khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất lao động, chất lượng, giá trị sản phẩm, nhất là các sản phẩm thế mạnh của tỉnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, gắn trách nhiệm người đứng đầu. Tiếp tục kiện toàn, tinh giản tổ chức bộ máy chính quyền các cấp. Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

4. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương; thực hiện cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp; sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình, dự án trọng điểm.

5. Đổi mới phương thức sản xuất nông nghiệp, tăng quy mô sản xuất nhằm áp dụng các kỹ thuật hiện đại trong nông nghiệp để có thể cải thiện chất lượng và sản lượng; đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu hàng nông sản của tỉnh nhằm tăng giá trị gia tăng cho nông sản; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường.

6. Khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại, mở rộng mạng lưới bán hàng; phát triển hệ thống phân phối hàng hóa cố định và bền vững; kiểm tra, kiểm soát thị trường và bảo vệ người tiêu dùng; xây dựng chương trình kết nối (có tính liên kết vùng miền) giữa nhà sản xuất, kinh doanh với nhà phân phối, đại lý trong nước,...;

7. Tổ chức triển khai thực hiện theo quy định Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và các văn bản khác, nhiệm vụ thu NSNN theo Nghị quyết của Quốc hội. Tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước; theo dõi chặt chẽ, kịp thời và tổ chức thu có hiệu quả đối với các nguồn thu mới. Chỉ đạo thực hiện việc giao chỉ tiêu thu hàng tháng, hàng quý để có cơ sở điều hành chi ngân sách theo dự toán; đề ra giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước đảm bảo tiến độ, tổng mức, cơ cấu nguồn thu theo quy định. Chỉ đạo tăng cường giám sát kê khai thuế, triển khai công tác kiểm tra, thanh tra thuế tại các doanh nghiệp đảm bảo hoàn thành kế hoạch; tập trung thu số nợ cũ năm trước chuyển sang, hạn chế tối đa nợ mới phát sinh; có biện pháp xử lý nghiêm đối với những trường hợp kê khai thuế không đúng, gian lận, nợ đọng thuế lớn, chây ỳ nộp thuế, trốn thuế.

8. Điều hành, quản lý chi ngân sách đảm bảo dự toán giao hàng năm, chặt chẽ, đúng chế độ quy định; chủ động điều hành ngân sách phù hợp với tiến độ thu ngân sách; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, từng bước cơ cấu lại chi NSNN theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư hợp lý, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực dịch vụ sự nghiệp công. Tiếp tục sắp xếp, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, các đề án, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành; đảm bảo kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19, thiên tai và các nhiệm vụ đột xuất cấp bách khác theo quy định.

9. Siết chặt kỷ luật tài khóa, ngân sách, nợ công; thực hiện thu chi trong phạm vi dự toán, vay nợ, giải ngân trong phạm vi kế hoạch và hạn mức được cấp thẩm quyền quyết định; chỉ ban hành cơ chế, chính sách mới khi có nguồn vốn đảm bảo; hạn chế tối đa việc điều chỉnh tổng mức đầu tư các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn vay; xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản và không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản mới. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước. Triệt để tiết kiệm các khoản chi liên quan đến mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án; đôn đốc giải ngân nguồn vốn đầu tư, thực hiện điều chuyển vốn đối với các công trình chậm tiến độ cho các công trình có tiến độ triển khai nhanh nhưng chưa được bố trí đủ vốn, không để tình trạng chuyển nguồn, lãng phí, không hiệu quả nguồn vốn đầu tư. Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự

án nhất là các dự án trọng điểm, có quy mô lớn quyết định đến tăng trưởng kinh tế và tác động thu ngân sách trên địa bàn.

11. Thực hiện nghiêm túc việc điều hành ngân sách theo chỉ đạo Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, chấp hành dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản nhà nước./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH